TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN XUYÊN MỘC** TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 69/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 31/7/2018.
V/v "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN XUYÊN MỘC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Thảo.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Ngọc Khanh.

2. Bà Trịnh Thị Mai Hương.

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Phùng Thị Trang – Thư ký tòa án nhân dân huyện XM, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện XM, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu tham gia phiên tòa***: Bà Phạm Thị Lệ Thủy – Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 7 năm 2018 tại Tòa án nhân dân huyện XM xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 33/2018/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 01 năm 2018 về "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 57/2018/QĐXXST – HNGĐ ngày 19 tháng 6 năm 2018 và quyết định hoãn phiên tòa số 54/2018/QĐST – HNGĐ ngày 12 tháng 7 năm 2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: **Bà Nguyễn Thị H**, sinh năm: 1982. (Có mặt)

Địa chỉ: Tổ 7, ấp TS 2A, xã PT, huyện XM, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Bị đơn: **Ông Nguyễn Hoàng T**, sinh năm: 1985. (Vắng mặt)

Địa chỉ: Tổ 7, ấp TS 2A, xã PT, huyện XM, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 08/01/2018, bản khai và các biên bản làm việc tiếp theo tại Tòa án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn – Bà Nguyễn Thị H trình bày:

Bà H xây dựng gia đình với ông Nguyễn Hoàng T vào năm 2008 có đăng ký kết hôn tại UBND xã PT, huyện XM, tỉnh Bà Rịa –Vũng Tàu. Bà H và ông T có tìm hiểu nhau một thời gian, được sự đồng ý của hai bên gia đình có tổ chức lễ cưới, hôn nhân là trên cơ sở tự nguyện. Sau khi cưới bà H và ông T sống tại ấp TS 2A, xã PT, huyện XM, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Cuộc sống chung hạnh phúc đến năm 2012 thì phát sinh mâu thuẫn xuất phát từ việc ông T không lo làm ăn hay chơi đá gà, cờ bạc, không có trách nhiệm với vợ con, từ đó vợ chồng lời qua tiếng lại rồi cãi nhau, bà H đã khuyên bảo ông T nhiều

lần nhưng tình hình vẫn không có gì thay đổi. Bà H và ông T ly thân từ năm 2014 cho đến nay, không còn quan hệ qua lại gì về mặt tình cảm cũng như kinh tế.

Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn gia đình đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà H yêu cầu được ly hôn với ông T.

Về con chung: Bà H và ông T có 01 con chung tên Nguyễn Ngô Hồng N, sinh ngày 11/01/2009, hiện đang sống với bà H. Bà H yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi dưỡng cháu N và tự nguyện không yêu cầu ông T phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà H và ông T tự thỏa thuận giải quyết, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án đã triệu tập ông Nguyễn Hoàng T đến tham gia hòa giải nhiều lần nhưng ông T vắng mặt nên Tòa án không tiến hành hòa giải được. Do đó Tòa án lập biên bản về việc vắng mặt đương sự không tiến hành hòa giải được để có cơ sở cho việc giải quyết vụ án. Tại các phiên Tòa ông T đều vắng mặt không có lý do.

Phát biểu quan điểm của Kiểm sát viên: Việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, là đúng trình tự, thủ tục tố tụng được quy định trong Bộ luật tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của đương sự, nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của đương sự còn bị đơn vắng mặt tại các buổi làm việc trước đây cũng như tại các phiên tòa là chưa chấp hành đúng pháp luật; Tuy nhiên vụ án còn để kéo dài quá thời hạn xét xử nhưng không có quyết định gia hạn là còn thiếu sót nhưng không gây ảnh hưởng lớn đến vụ án đề nghị Tòa án rút kinh nghiệm.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc yêu cầu ly hôn và giải quyết con chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi xem xét các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng:

Quan hệ tranh chấp: Bà Nguyễn Thị H yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Hoàng T, đây là tranh chấp về ly hôn theo quy định tại khoản 1, Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Bị đơn ông Nguyễn Hoàn T có nơi cư trú tại địa bàn huyện XM theo điểm a, khoản 1, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện XM.

Trong quá trình tham gia tố tụng, ông Nguyễn Hoàng T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng ông T vắng mặt không có lý do, vì vậy việc xét xử vắng mặt ông T là phù hợp với quy định tại Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về áp dụng pháp luật nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: Bà H và ông T xây dựng gia đình vào năm 2008 có đăng ký kết hôn và được cấp giấy chứng nhận kết hôn vào năm 2008 (Giấy chứng nhận kết hôn số 211quyển số 01/08 ngày 18/12/2008 tại UBND xã PT), xét đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp nên được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Bà H và ông T chung sống hạnh phúc đến năm 2012 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do ông T không lo làm ăn hay chơi đá gà, cờ bạc, không có trách nhiệm với vợ con, từ đó vợ chồng lời qua tiếng lại rồi cãi nhau, bà H đã khuyên bảo ông T nhiều lần nhưng tình hình vẫn không có gì thay đổi. Bà H và ông T ly thân từ năm 2014 cho đến nay, không còn quan hệ qua lại gì về mặt tình cảm cũng như kinh tế. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên bà H yêu cầu được ly hôn với ông T.

Kết quả xác minh tại địa phương nơi bà H và ông T sinh sống thì: Nguyên nhân mâu thuẫn của bà H và ông T là do ông T không chịu làm ăn, hay chơi đá gà, cờ bạc, không quan tâm chăm lo cho vợ con từ đó phát sinh cãi vã. Bà H và ông T không sống chung với nhau đã lâu hiện ông T đi làm ăn nhưng thỉnh thoảng vẫn về thăm gia đình.

Xét lời khai của bà H phù hợp với kết quả xác minh của Tòa án, xét yêu cầu của bà H cho thấy sau khi mâu thuẫn xảy ra, lẽ ra bà H và ông T phải cùng tìm cách khắc phục những mâu thuẫn của vợ chồng để cuộc sống chung được hạnh phúc và cùng nhau chăm sóc nuôi dạy con cái nhưng từ năm 2014 đến nay bà H và ông T ly thân, mạnh ai nấy sống, vợ chồng không quan tâm gì đến nhau, sau khi bà H gửi đơn, Tòa án đã tiến hành nhiều phiên hòa giải để đoàn tụ vợ chồng nhưng không thể hòa giải được, ông T vắng mặt không lý do, không thể hiện có thiện chí hòa giải.

Từ những nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử nhận thấy, tình cảm vợ chồng của bà H và ông T thật sự không còn, mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng đời sống chung không thể kéo dài mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ khoản 1, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà H đối với ông T.

[3] Về con chung: Bà H và ông T có 01 con chung tên Nguyễn Ngô Hồng N, sinh ngày 11/01/2009, hiện đang sống với bà H. Bà H yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi dưỡng cháu N và tự nguyện không yêu cầu ông T phải cấp dưỡng nuôi con.

Xét yêu cầu của bà H cho thấy, từ khi bà H nộp đơn và Tòa án thụ lý vụ án cho đến nay ông T không đến Tòa án để trình bày ý kiến của mình về việc bà H có yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng con chung, qua xem xét ý kiến của con chung là cháu N cho thấy cháu N có nguyện vọng ở với mẹ, nên Tòa án căn cứ vào thực tế và các quy định của Luật hôn nhân và gia đình, để tránh xáo trộn cuộc sống của con chung chưa thành niên, giao cháu N cho bà H được quyền trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp, bà H không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con là sự tự nguyện của bà H nên được chấp nhận.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Bà H không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Áp dụng Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, bà H phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1, Điều 28, điểm a, khoản 1, Điều 35, điểm a, khoản 1, Điều 39, Điều 147, Điều 228, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Các Điều 51,

56, 57, 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016. Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị H được ly hôn với ông Nguyễn Hoàng T.

2. Về con chung: Bà H và ông T có 01 con chung tên Nguyễn Ngô Hồng N, sinh ngày 11/01/2009. Bà H được quyền trực tiếp nuôi dưỡng cháu N. Ông T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Vì lợi ích của con, ông Nguyễn Hoàng T có quyền thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung mà không ai được cản trở, vì quyền lợi của con, khi có yêu cầu của một hoặc hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu nên Tòa án không xem xét.

4. Về án phí: Bà H phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm bà H đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0007317 ngày 15/01/2018 của Chi cục thi hành án Dân sự huyện XM. Bà H đã nộp đủ án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xét xử phúc thẩm, đối với đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh BR-VT;
- VKSND huyện XM;
- Chi cục THA huyện XM;
- UBND xã PT;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Kim Thảo